

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty CP Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101438047
- Vốn điều lệ: 39.639.600.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.639.600.000 đồng
- Địa chỉ: Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội
- Số điện thoại: (04) 36785060
- Số Fax: (04) 36784978
- Website: <http://www.app.com.vn>
- Mã cổ phiếu: APP

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Ngày 28/8/1996, theo quyết định số 2365/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ (APP) được thành lập trên cơ sở tách Trung tâm Phụ gia Dầu mỡ từ Viện Hoá học Công nghiệp.

Ngày 19/08/2003, theo quyết định số 133/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Nhà nước nắm cổ phần chi phối (51%). Và kể từ đầu năm 2006 đến nay, thực hiện chủ trương bán tiếp cổ phần của Nhà nước, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối – Công ty liên kết.

Công ty APP niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Quyết định niêm yết cổ phiếu số: 688/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 28/09/2010 và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 05/10/2010.

Sau 20 năm phát triển và trưởng thành, đến nay Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ (APP) đã trở thành một Công ty sản xuất kinh doanh mạnh trong ngành dầu mỡ bôi trơn, chất lỏng chuyên dụng với chức năng chính là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản, dầu phanh và các chất lỏng thuỷ lực; các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỡ, hoá chất; các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng, và đặc biệt là đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng khác nhằm chuyển đổi cơ cấu và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phấn đấu trở thành một Công ty hàng đầu trong các lĩnh vực tại Việt Nam.

Tại thời điểm thành lập, từ một đơn vị nhỏ làm công tác nghiên cứu được nhà nước bao cấp chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty APP gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Quỹ đất và cơ sở hạ tầng không có, đồng vốn hạn hẹp, APP đã phải đi thuê trụ sở làm việc và vừa phải sản xuất kinh doanh, vừa từng bước gây dựng cơ sở.

Đến nay, Công ty APP đã có các nhà máy và xưởng sản xuất hiện đại tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, với công suất trên 16.500 tấn/ năm/một ca, APP có khả năng cung ứng trên 150 chủng loại sản phẩm thuộc các nhóm: dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn, phụ gia, hoá chất, dầu phanh, dầu nhũ các loại, chất tẩy rửa, chất làm mát, vật





liệu mới... phục vụ cho các ngành giao thông vận tải, ngành điện, khai thác mỏ, các nhà máy công nghiệp, hoá chất...

APP có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, chuyên gia, công nhân viên, trong đó có nhiều người đã được đào tạo và làm việc tại nước ngoài, có kiến thức chuyên sâu và giàu kinh nghiệm. Trong quá trình hoạt động, APP luôn coi trọng và xác định chữ tín với khách hàng là yếu tố quan trọng hàng đầu. Đến nay, APP đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, được các khách hàng trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao, đặt niềm tin để thiết lập quan hệ hợp tác kinh doanh trong các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản, dầu phanh và các chất lỏng thuỷ lực.

- Địa bàn kinh doanh: Cung cấp chính các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, phụ gia cho ngành than tại thị trường Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm: Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng ban, Chi nhánh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển bền vững và phấn đấu trở thành một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam về dầu mỡ bôi trơn.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

6. Các rủi ro:

Những biến động khó lường về giá dầu mỏ tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, do nguồn nguyên liệu chủ yếu là dầu gốc, phụ gia và các nguyên liệu khác có gốc từ dầu mỏ.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Chi tiêu hoạt động (Đơn vị: triệu đồng)	Kết quả SXKD năm 2015	Kế hoạch SXKD năm 2015	So sánh % TH/ KH
Tổng doanh thu	104.059	105.435	98
Lợi nhuận trước thuế	5.007	7.000	72
Tổng quỹ tiền lương	10.012	10.012	100

*Kết quả:* Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2015, thực hiện chưa đạt so với kế hoạch (nghị quyết của ĐHCĐ Công ty đã giao). Cụ thể: các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, sản phẩm tiêu thụ (Dầu nhờn, Phụ gia) chỉ đạt từ 72 đến 98% kế hoạch.

**Nguyên nhân:**

- Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong và ngoài nước, sức mua giảm, các thị trường công nghiệp chính mà công ty cung ứng sản phẩm như than, xi măng, sắt thép,... đều gặp khó khăn. Thị trường dầu mỡ bôi trơn cạnh tranh ngày càng khốc liệt và gay gắt, một số vị cải tiến công nghệ, đổi mới thiết bị nhằm là giảm chi phí nên tiêu thụ dầu mỡ nhờn tại các đơn vị này cũng giảm theo.

- Công tác phát triển thị trường mới còn thấp chưa đạt yêu cầu.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

Danh sách Ban điều hành: (Tính đến ngày 01/4/2016)

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ CP SH	Tóm tắt lý lịch
1	Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc	24,1%	Ngày sinh: 27/3/1965, CMND số 01145428, cấp ngày 19/3/2012, tại Hà Nội, địa chỉ thường trú: Nhà E2B phòng 102+202 Ngõ 4, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
2	Nguyễn Duy Tường	Giám đốc Phòng BHCN	0,01%	Ngày sinh 31/12/1974, CMTND số 151065639, cấp ngày 30/11/2000, tại Thái Bình, địa chỉ thường trú 416K15 Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, HN
3	Đào Việt Trung	Trưởng phòng Đảm bảo	0,07%	Ngày sinh 30/10/1970, CMTND số 012247899, cấp ngày 18/6/2008, tại Hà Nội, địa chỉ thường trú Tổ 15 Phường Sài Đồng, Long Biên, HN
4	Nguyễn Cảnh Tuyên	Giám đốc TTNCPT	0,2%	Ngày sinh 5/8/1972, CMTND số 011724971, cấp ngày 25/9/2002, tại Hà Nội, địa chỉ thường trú Phòng 416 TT ban Vật giá Chính phủ, Cổng Vị, Ba Đình, HN

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có 3 thành viên:

- Ông Hoàng Trung Dũng      Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Bình Dương      Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh TP.HCM
- Bà Phạm Thị Thuý Hà      Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất



- Số lượng cán bộ, nhân viên: 106 người

Các chính sách đối với người lao động:

Công ty đã thực hiện tốt việc trả lương cho người lao động. Tổng quỹ tiền lương năm 2015 là 10 tỷ đồng, mức lương bình quân 7,8 triệu đồng/ người/ tháng.

Các chính sách, chế độ đối với người lao động luôn được đảm bảo. Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe, tổ chức nghỉ mát, bồi dưỡng chống nóng, độc hại bằng hiện vật cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Về công tác Đầu tư: Công ty đã gia hạn hợp đồng thuê kho nguyên liệu với Cảng Cửa Cấm – Hải Phòng đến năm 2018.

Việc tìm kiếm địa điểm đầu tư kho chứa nguyên liệu mới đã triển khai nhưng chưa có kết quả.

4. Tình hình tài chính:

<b>TÀI SẢN</b>		<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>56.337.259.082</b>	<b>79.243.542.924</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5.062.696.785</b>	<b>8.512.768.173</b>
1.	Tiền		2.012.768.173
		1.762.696.785	
2.	Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000
		3.300.000.000	
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>13.629.454.850</b>	<b>16.111.643.998</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		15.188.256.058
		13.639.217.798	
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		118.165.500
		377.700.000	
6.	Phải thu ngắn hạn khác		1.442.911.994
		351.580.258	
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(637.689.554)
		(739.043.206)	
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>37.573.481.301</b>	<b>54.052.041.897</b>
1.	Hàng tồn kho		54.052.041.897
		37.573.481.301	
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>71.626.146</b>	<b>567.088.856</b>
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	567.088.856
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>4.663.451.309</b>	<b>6.391.133.539</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>3.125.629.135</b>	<b>6.137.392.158</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình		4.704.871.629

	3.125.629.135	
- Nguyên giá	35.338.739.539	35.240.705.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	(32.213.110.404)	(30.535.833.610)
3. Tài sản cố định vô hình	-	1.432.520.529
- Nguyên giá	2.910.231.420	4.719.731.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.910.231.420)	(3.287.210.501)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	-	<b>2.625.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.625.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.537.822.174</b>	<b>251.116.381</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.537.822.174	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>61.000.710.391</b>	<b>85.634.676.463</b>

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần:	3.963.960 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	3.963.960 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày 01/4/2015)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<b>1.</b>	<b>CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>	296	3.917.315	98,82
1.1	Tổ chức	16	30.002	0,75
1.2	Cá nhân	280	3.887.313	98,06
<b>2.</b>	<b>CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	11	46.645	1,17
2.1	Tổ chức	2	4.900	0,12
2.2	Cá nhân	9	41.745	1,05
<b>3.</b>	<b>CỔ PHIẾU QUỸ</b>	0	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	307	3.963.960	100

Trong đó:

TT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hoàng Trung Dũng	956.216	24,12
2	Nguyễn Hà Trung	658.600	16,61
3	Đình Việt Cường	116.000	2,92
4	Sử Bùi Bảo Ngọc	210.000	5,29
5	Nguyễn Thị Mai Anh	130.000	3,27
3	Các cổ đông khác	1.893.144	47,7

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

T T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Trung Dũng	Thành viên HDQT	606.216	15,29%	956.216	24,12%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Phạm Thị Thuý Hà	Phó Tổng Giám đốc	8.190	0,2%	0	0	Giảm tỷ lệ sở hữu
3	Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Cổ đông lớn	1.754.446	44,26%	0	0	Thoái vốn
4	Trần Thị Phúc	Cổ đông lớn	960.000	24,22%	0	0	Giảm tỷ lệ sở hữu
5	Nguyễn Hà Trung	Cổ đông lớn	0	0	495.900	12,51%	Tăng tỷ lệ sở hữu
6	Sử Bùi Bảo Ngọc	Cổ đông lớn	0	0	210.000	5,3%	Tăng tỷ lệ sở hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

### III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

#### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015 (đã điều chỉnh)	Thực hiện KH 2015	% TH 2015 /KH 2015	% TH 2015/TH 2014
1	Tổng doanh thu tiêu thụ	Triệu đ	138.587	105.435	104.059	98%	75%
	a- Doanh thu sản phẩm SXCN	-	134.154	105.128	103.641	97%	76%
	b. Doanh thu nội bộ, KM	-	3.607				
	b. Doanh thu thương mại	-	689	306	418	137%	61%
	c- Doanh thu khác	-	137				0%



2	Sản lượng hiện vật tiêu thụ						
	- Dầu nhờn APP	1.000 L	1.613	1.606	1.600	100%	99%
	- Mỡ bôi trơn	1.000 Kg	204	211	221	105%	108%
	- Dầu phanh	1.000 Ch	278	273	263	96%	95%
	- Nhũ, nước làm mát, dầu rửa	1.000 L	81	167	154	93%	190%
3	Lao động tiền lương						
	- Tổng số lao động bình quân năm	Người	114	114	114	100%	100%
	- Lương bình quân tháng	1000 đ/ Ng	7.968	7.319	7.319	100%	92%
	- Tổng quỹ lương	Triệu đ	10.900	10.012	10.012	100%	92%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	9.561	7.000	5.007	72%	52%

Nguyên nhân:

- Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong và ngoài nước, sức mua giảm, các thị trường công nghiệp chính mà công ty cung ứng sản phẩm như than, xi măng, sắt thép,... đều gặp khó khăn. Thị trường dầu mỡ bôi trơn cạnh tranh ngày càng khốc liệt và gay gắt, một số vị cải tiến công nghệ, đổi mới thiết bị nhằm là giảm chi phí nên tiêu thụ dầu mỡ nhờn tại các đơn vị này cũng giảm theo.

- Công tác phát triển thị trường mới còn thấp chưa đạt yêu cầu.

## 2. Tình hình tài chính:

TÀI SẢN		31/12/2015	01/01/2015
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>56.337.259.082</b>	<b>79.243.542.924</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5.062.696.785</b>	<b>8.512.768.173</b>
1.	Tiền		2.012.768.173
		1.762.696.785	
2.	Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000
		3.300.000.000	
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>13.629.454.850</b>	<b>16.111.643.998</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		15.188.256.058
		13.639.217.798	
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		118.165.500
		377.700.000	
6.	Phải thu ngắn hạn khác		1.442.911.994
		351.580.258	
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(637.689.554)
		(739.043.206)	
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>37.573.481.301</b>	<b>54.052.041.897</b>



1.	Hàng tồn kho	37.573.481.301	54.052.041.897
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>71.626.146</b>	<b>567.088.856</b>
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	567.088.856
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>4.663.451.309</b>	<b>6.391.133.539</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>3.125.629.135</b>	<b>6.137.392.158</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	3.125.629.135	4.704.871.629
-	<i>Nguyên giá</i>	<i>35.338.739.539</i>	<i>35.240.705.239</i>
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(32.213.110.404)</i>	<i>(30.535.833.610)</i>
3.	Tài sản cố định vô hình	-	1.432.520.529
-	<i>Nguyên giá</i>	<i>2.910.231.420</i>	<i>4.719.731.030</i>
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(2.910.231.420)</i>	<i>(3.287.210.501)</i>
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>2.625.000</b>
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.625.000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.537.822.174</b>	<b>251.116.381</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	1.537.822.174	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)		<b>61.000.710.391</b>	<b>85.634.676.463</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Sau khi có sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, bầu bổ sung thành viên HĐQT, bầu Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Trình HĐQT phê chuẩn cơ cấu tổ chức Công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý điều hành thuộc thẩm quyền.
- Ban hành các quy định, quy trình nội bộ phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty
- Thành lập Phòng Marketing
- Triển khai ký Hợp đồng giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Các chỉ tiêu dự kiến	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	135.000	155.000	178.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.560	10.800	13.350

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Công tác sản xuất:

Ban điều hành đã tổ chức công tác sản xuất an toàn; sản phẩm xuất xưởng đủ số lượng và đạt chất lượng. Công tác kiểm tra kiểm soát chất lượng sản phẩm được làm thường xuyên. Do có đặc thù là chủng loại sản phẩm nhiều nhưng nhiều sản phẩm nhỏ lẻ, sang can sang phuy, đóng chai, nhiều hạng mục công việc nhưng vẫn đảm bảo tốt công tác sản xuất, không để thiếu hụt sản phẩm theo nhu cầu Kinh doanh (đặc biệt là với sản phẩm đóng chai), đáp ứng tốt công tác bổ sung vỏ phuy để phục vụ sản xuất tại Hải Phòng và Hà Nội, sản xuất mỡ tuy có mẻ sản xuất không phù hợp (Xuyên kim không đạt) nhưng đã rút kinh nghiệm và xử lý tồn đọng tốt, đặc biệt là tại cả ba mảng sản xuất (dầu nhờn, chất lỏng chuyên dụng và mỡ) với sự hợp tác hỗ trợ từ Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đã không để xảy ra sản phẩm dở dang tồn đọng lâu ngày không có phương án xử lý và không để phát sinh các sản phẩm phải đưa vào diện thanh lý như các năm trước.

b. Công tác thị trường:

Doanh thu năm 2015 sụt giảm nhiều, giảm 36 tỷ đồng, bằng 74% so với thực hiện 2014, doanh thu sụt giảm do một số nguyên nhân chính sau:

- Giá bán giảm: do áp lực cạnh tranh trên thị trường, áp lực của việc giá nguyên liệu giảm dẫn đến Công ty phải giảm giá bán sản phẩm

- Công ty VMTS (Quảng Ninh) tự chủ về nguyên liệu nên không mua phụ gia của APP

- Một số khách hàng đã cải tiến công nghệ, đổi mới thiết bị nhằm giảm chi phí sản xuất nên việc tiêu thụ dầu mỡ nhờn tại các đơn vị này cũng giảm như tại: Công ty Đạm Hà Bắc, Công ty Apatit, Công ty Luyện Đồng Lào Cai, Thép Việt Trung, Hóa chất 21

- Một số khách hàng do thay đổi về chủ sở hữu vốn nên thay đổi lựa chọn nhà cung cấp như Công ty Vận tải thủy 1, Công trình giao thông 1

- Một số Công ty trong Tập đoàn Hóa chất giảm lượng hàng mua của APP sau khi Tập đoàn Hoá chất thoái hết vốn tại APP

- Việc phát triển thị trường mới thấp, chưa đạt yêu cầu. Cán bộ thị trường còn thụ động trong việc mở thị trường mới, triển khai công việc chưa bài bản và đồng bộ.

c. Công tác tài chính, vật tư:

Công ty chấp hành chế độ về tài chính - kế toán theo quy định của Pháp luật và Công ty.

Thực hiện tốt các biện pháp quản lý tài chính và tài sản của Công ty, đã hạn chế chi phí không hợp lý trong sản xuất và kinh doanh. Kết quả hoạt động tài chính đã được đăng trên trang Web của Công ty.

Đã thực hiện việc kiểm kê định kỳ, thường xuyên đối chiếu công nợ, không để thất thoát vốn, đảm bảo bảo toàn vốn và đáp ứng yêu cầu về vốn cho hoạt động kinh doanh.



Công ty đã thực hiện việc nhập hàng, mua hàng theo phương thức chào giá cạnh tranh, đa dạng hoá nguồn nhập. Tính toán thời điểm và thời gian nhập hàng hợp lý nên đã giảm tồn kho và đảm bảo mức giá hợp lý.

d. Công tác Khoa học Công nghệ:

- Công ty duy trì một đề tài cấp bộ: "**Dầu tải nhiệt APP TRANS TN**". Đề tài đã được nghiệm thu cấp cơ sở và có kế hoạch nghiệm thu cấp bộ vào nửa cuối tháng 1/2016. Dầu tải nhiệt APP TRANS TN là kết quả kế thừa các nghiên cứu của năm 2014 và các nghiên cứu học thuật thực hiện năm 2015, đã hoạt động ổn định trên dây chuyền mỡ của công ty được 1 năm đạt kết quả tốt, nhóm đề tài sẽ có báo cáo tình hình sử dụng khi dầu đạt 2 năm sử dụng. Đó là cơ sở tin cậy để APP đưa dầu này ra thị trường (đã bán nhưng sản lượng chưa nhiều).

- Nhóm sản phẩm dầu nhờn:

Đã thay đổi căn bản cơ cấu nguyên liệu dầu động cơ, cải tiến toàn diện chất lượng dầu động cơ đa cấp bao gồm dầu động cơ diesel hạng nặng dòng ENDI và động cơ ô tô xăng/diesel và động cơ xe máy (xe số và xe scooter) dòng FUTURE. Đối với dầu động cơ đơn cấp, đã nghiên cứu khảo sát toàn diện các tính năng của sản phẩm APP trên các hệ phụ gia khác nhau (LZ, ORONITE, APTON, INFENIUM) để phát triển sản phẩm mới và có cơ sở vững chắc cho công ty lựa chọn nguyên liệu với tiêu chí sản phẩm đạt chất lượng tốt giá cả cạnh tranh và nguyên liệu ổn định.

Đối với các dầu thủy lực/ tuần hoàn/ máy nén APP CS, APP CS CTX, APP GS, APP H, HM và HV trên cơ sở các kết quả nghiên cứu độ bền chống oxy hóa và các tính năng khác của các dòng sản phẩm này đã đưa ra yêu cầu chất lượng dầu gốc cụ thể trong từng đơn pha chế để kiểm soát chất lượng phù hợp với phân cấp sản phẩm trong bán hàng.

Đối với dầu truyền động và dầu bánh răng công nghiệp: đã thực hiện các nghiên cứu về độ bền chống oxy hóa, về khả năng tạo bọt trong lưu kho và trong quá trình sử dụng, khả năng chống mài mòn và chống ăn mòn để định hướng nguyên liệu hiệu quả cho từng dòng sản phẩm để nâng cấp chất lượng, giải quyết các tồn tại về mặt kỹ thuật từ nhiều năm trước với tiêu chí phân cấp chất lượng cho các dòng sản phẩm khác nhau đảm bảo chất lượng tương đương của sản phẩm nước ngoài cùng loại, giá cả cạnh tranh và giải quyết dứt điểm các tồn tại của sản phẩm trong quá trình lưu kho và quá trình sử dụng.

- Nhóm sản phẩm mỡ bôi trơn:

Kế thừa các kết quả năm 2014 và dựa trên các kết quả nghiên cứu bổ sung năm 2015, công ty đã chuyển đổi nguyên liệu dầu gốc cho mỡ LISA các loại và có các kết quả nghiên cứu cụ thể để giúp công ty lựa chọn nguyên liệu phù hợp với giá cả cạnh tranh. Mỡ LISA hiện nay ổn định về chất lượng, đẹp hơn về cảm quan và có tính ổn định cao trong sản xuất.

- Nhóm sản phẩm chất lỏng chuyên dụng:

Nghiên cứu sản phẩm dầu phanh DOT-3 của các đối thủ cạnh tranh là công ty Mekong và Viện HHCN VN. Kế thừa kết quả đơn pha chế cũ và thực hiện nghiên cứu khảo sát mới để chỉ định giới hạn sử dụng glycol khác DEG trong dầu phanh đảm bảo chất lượng và đáp ứng cạnh tranh.



Đối với nước làm mát: kế thừa các nghiên cứu của những năm trước đây, đã khảo sát và nghiên cứu cải tiến để phát triển các sản phẩm nước làm mát phù hợp với động cơ diesel hạng nặng APP AR-01 cho Đường Sắt, APP CD 02 và APP COOLMAX CD 02 động cơ công nghiệp và xe vận tải hạng nặng, COOLMAX AUTO cho xe con và COOLMAX SCT cho xe máy Scooter.

e. Công tác tổ chức nhân sự:

Sau khi có sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và được ĐHĐCĐ bất thường bầu bổ sung thành viên HĐQT, HĐQT đã triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm Tổng Giám đốc
- Triển khai ký Hợp đồng giữa HĐQT và Tổng Giám đốc
- Phê chuẩn cơ cấu tổ chức của Công ty.

g. Công tác lao động tiền lương, chăm lo đời sống cho người lao động:

- Quỹ lương phê duyệt đầu năm 2015 theo doanh thu mức: 7,7%, nhưng do doanh thu tụt giảm, HĐQT đã điều chỉnh đơn giá lên mức 9,7%, tăng thêm 2,0 tỷ đồng vào tổng quỹ lương năm 2015 để đảm bảo đời sống của người lao động. Tổng quỹ tiền lương năm 2015 là 10 tỷ đồng (bằng 92% năm 2014).

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, khám sức khoẻ định kỳ đối với người lao động và duy trì tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng bằng hiện vật chống nóng, độc hại, tổ chức nghỉ mát cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Điều hành thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

HĐQT đánh giá Ban điều hành đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của HĐQT, đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn; đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý.

Các thành viên trong Ban điều hành đã nỗ lực làm việc tuy nhiên kết quả thực hiện chưa đạt so với nhiệm vụ được giao

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Các chỉ tiêu dự kiến	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	135.000	155.000	178.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.560	10.800	13.350



## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Đinh Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	116.000	2,92	Không điều hành
2	Nguyễn Thị Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	22.591	0,57	Không điều hành
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	956.216	24,12	Điều hành
4	Nguyễn Hà Trung	Thành viên HĐQT	658.600	16,61	Không điều hành
5	Sử Bùi Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	210.000	5,29	Không điều hành

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã tổ chức thành công 08 phiên họp HĐQT định kỳ và đột xuất, trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
<b>HĐQT cũ</b>					
1	Ông Phạm Văn Chương	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Trường	Phó CT HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Vũ Quang Hải	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Ông Phạm Quý Hồng	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Bận việc

					đợt xuất. Biểu quyết các nội dung cuộc họp qua điện thoại
	<b>HĐQT hiện tại</b>				
1	Đinh Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Nguyễn Thị Trường	Phó CT HĐQT	4/4	100%	
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Nguyễn Hà Trung	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Sử Bùi Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	2/4	50%	Bận việc đợt xuất. ủy quyền cho thành viên HĐQT biểu quyết nội dung cuộc họp

**Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	22/01/2015	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP.HCM đối với ông Đặng Trung Cương và bổ nhiệm ông Vũ Đức Chính giữ chức vụ Quyền Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
2	05/BB-HĐQT	08/4/2015	- Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. - Nhất trí mua 01 xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Yêu cầu Ban điều hành đảm bảo nguyên tắc đầu tư mua xe tải và giải trình thêm tính khả thi của việc đầu tư.
3	13/BB-HĐQT	21/4/2015	- Thông qua các tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2015. - Thông qua dự thảo Phương án Phân chia lợi nhuận năm 2014 ngày 21/4/2015. - HĐQT thống nhất giao cho Chủ tịch HĐQT sửa đổi dự thảo Quy chế tài chính trên cơ sở ý



			kiến góp ý của các thành viên dự họp và ban hành Quy chế.
4	16/BB-HĐQT	13/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá VN (VAE) làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. Phí kiểm toán: 55.000.000 đồng (Chưa gồm thuế VAT).</li> <li>- Thống nhất chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tỷ lệ thực hiện: 9%/ cổ phiếu</li> <li>+ Ngày đăng ký cuối cùng: 30/6/2015</li> <li>+ Thời gian trả cổ tức: 20/7/2015</li> </ul> </li> <li>- Thống nhất hạn mức vay tối đa của Công ty CP Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô là: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</li> <li>- Giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng, văn bản với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô để hoàn thiện các hồ sơ vay.</li> <li>- Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận trong Công ty xây dựng dự thảo Điều lệ APP phù hợp với Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/7/2015.</li> <li>- HĐQT thống nhất không triệu tập ĐHĐCĐ bất thường do chưa đủ điều kiện triệu tập Đại hội.</li> </ul>
5	07/QĐ-PGDM	08/4/2015	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
6	08/ QĐ-PGDM	08/4/2015	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
7	13/QĐ-HĐQT	15/5/2015	Ban hành Quy chế tài chính Công ty APP
8	15/NQ-HĐQT	13/6/2015	Thế chấp tài sản và vay vốn ngân hàng
9	19/NQ-HĐQT	10/8/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất bổ nhiệm ông Hoàng Trung Dũng – thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 15/8/2015.</li> <li>- Nhất trí bà Lê Thị Mai Hương được thôi giữ chức danh Kế toán trưởng để nghỉ hưu.</li> <li>- Thống nhất đề Tổng Giám đốc Công ty xem xét, bổ nhiệm ông Nguyễn Trường Sơn vào chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.</li> </ul>

10  
CỔ  
CÁ  
VÀ  
C  
12/1

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất triệu tập ĐHĐCĐ bất thường. Giao cho Chủ tịch HĐQT chuẩn bị các thủ tục, tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ và chốt thời gian, địa điểm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời gian sớm nhất theo luật định.</li> <li>- HĐQT đề nghị Chủ tịch HĐQT tiếp tục chức trách Chủ tịch HĐQT và Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.</li> </ul>
10	25/BB-HĐQT	15/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bầu ông Đinh Việt Cường – thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ kể từ ngày 15/9/2015.</li> <li>- Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Vũ Quang Hải kể từ ngày 15/9/2015.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Hoàng Trung Dũng, thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ kể từ ngày 15/9/2015.</li> </ul>
11	29/NQ-HĐQT	20/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất bổ nhiệm lại bà Phạm Thị Thuý Hà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kỹ thuật Sản xuất, bổ nhiệm ông Hoàng Bình Dương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Thống nhất miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh đối với ông Phạm Quý Hồng, miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng bán hàng Dân dụng đối với ông Đặng Trung Cường, miễn nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Chi nhánh TP.HCM đối với ông Vũ Đức Chính.</li> <li>- Giao cho bà Sừ Bùi Bảo Ngọc – thành viên HĐQT nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT, trình HĐQT trong phiên họp sau.</li> <li>- Các thành viên HĐQT góp ý về dự thảo Phân công nhiệm vụ của HĐQT để Chủ tịch HĐQT ký ban hành trong phiên họp sau.</li> <li>Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quyết định mức lương đối với các chức danh Trưởng, phó đơn vị và vị trí tương đương.</li> <li>- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị, định biên lao động, trình HĐQT trước ngày 05/10/2015.</li> <li>- Ký hợp đồng thuê Công ty kiểm toán VAE, kiểm toán chốt số liệu bàn giao giữa Tổng Giám đốc với ông Vũ Quang Hải.</li> </ul> </li> </ul>



			- Xây dựng chính sách tiền lương mới phù hợp với tình hình hoạt động và thu nhập của người lao động Công ty, trình HĐQT trước ngày 25/10/2015.
12	34/NQ-HĐQT	04/11/2015	<p>- Thống nhất chủ trương Đề án Thiết kế - Xây dựng - Phát triển hệ thống phân phối APP giai đoạn 2016-2020 của Ban điều hành. HĐQT giao cho Ban điều hành tiếp tục triển khai xây dựng chi tiết Đề án, tính lỗ, lãi trước khi thực hiện Đề án.</p> <p>- Thống nhất tiếp nhận, bổ nhiệm ông Phùng Giang Nam giữ chức vụ Kế toán trưởng như đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 231/TTr-PGDM ngày 03/11/2015 về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng; Ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định mức lương, các lợi ích liên quan đối với ông Phùng Giang Nam; Giao cho bà Nguyễn Thị Trường, ông Nguyễn Hà Trung tổ chức gặp mặt, trao đổi công việc với ông Phùng Giang Nam trước khi HĐQT quyết định bổ nhiệm.</p> <p>- Nhất trí chủ trương nghiên cứu việc di chuyển, đầu tư kho đầu nguồn; Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo lập các phương án đầu tư chi tiết, trình HĐQT xem xét.</p> <p>- Thống nhất cải tạo, sửa chữa khu nhà văn phòng tại trụ sở Công ty như đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 230/TTr-PGDM ngày 02/11/2015 về việc cải tạo khu nhà văn phòng Công ty; Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo phòng ban chức năng hoàn thành cải tạo, sửa chữa khu nhà văn phòng trong năm 2015. Chi phí sửa chữa dự kiến: 300.000.000 đồng (đã có Vat).</p> <p>- Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc rà soát, đề xuất hợp lý mức phụ cấp điện thoại, xăng xe cho Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty.</p> <p>- Ban điều hành xây dựng lại sơ đồ tổ chức, phân định rõ nhiệm vụ của các phòng ban.</p> <p>- Ban điều hành khẩn trương hoàn thiện số liệu bàn giao, tổ chức công tác bàn giao giữa Tổng Giám đốc và ông Vũ Quang Hải trước ngày 15/11/2015. Thành phần có mặt ký bàn giao gồm: Ông Hoàng Trung Dũng, ông Nguyễn Trường Sơn, bà Đỗ Hồng Hạnh, ông Vũ Quang Hải, bà Lê Thị Mai Hương.</p>

3047  
 TY  
 IN  
 PHUG  
 HANG  
 MO  
 TP. HN

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám đốc phân phối lương cho người lao động theo mức biến thiên, nhằm nâng cao năng suất lao động, trả lương xứng đáng cho người lao động công tác tốt.</li> <li>- Các thành viên HĐQT xem xét, góp ý bản dự thảo Phân công nhiệm của HĐQT, Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT và gửi cho Thư ký Công ty vào ngày 11/11/2015.</li> <li>- Ban điều hành xây dựng chi tiết Đề án hợp tác với Công ty MTS trước khi trình HĐQT.</li> </ul>
13	44/NQ-HĐQT	10/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng 11/2015 của Ban điều hành.</li> <li>- Phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo như tờ trình số 153/PGDM ngày 27/11/2015 của Tổng Giám đốc.</li> <li>- Thông qua dự thảo phân công nhiệm vụ của HĐQT. Giao cho Thư ký Công ty chỉnh sửa nội dung của bản dự thảo theo ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT.</li> <li>- Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT và Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Giao cho Thư ký Công ty chỉnh sửa nội dung dự thảo Quy chế theo ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT.</li> <li>- Thông qua dự thảo Hợp đồng giữa HĐQT và Tổng Giám đốc. Giao cho Thư ký Công ty chỉnh sửa nội dung dự thảo Hợp đồng theo ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT và gửi phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT về chế độ lương, thưởng, phụ cấp đối với Tổng Giám đốc.</li> <li>- Đề nghị Ban kiểm soát chủ trì tổ chức cuộc họp với ông Vũ Quý Lâm để làm rõ những nội dung kiến nghị nêu trong đơn thư. Thành phần dự họp gồm: Ban kiểm soát (chủ trì), Tổng Giám đốc, cử Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thị Trường tham dự, mời ông Vũ Quý Lâm.</li> <li>- Bổ nhiệm ông Phùng Giang Nam giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dâu mỏ từ ngày 11/12/2015 và Ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định mức lương, các lợi ích liên quan đến ông Phùng Giang Nam</li> <li>- Tổ chức họp HĐQT vào ngày 15 hàng tháng. Trong trường hợp ngày họp HĐQT trùng vào</li> </ul>



		<p>ngày nghỉ, ngày Lễ Tết, ngày họp HĐQT sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất về chủ trương lập công ty cổ phần tại Quảng Ninh. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo bộ phận chức năng lập phương án chi tiết báo cáo HĐQT xem xét.</li> <li>- Yêu cầu Ban điều hành triển khai công việc, báo cáo HĐQT trong phiên họp tháng 1/2016 những nội dung công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng Quy chế tiền lương, Quy chế Đại lý để thúc đẩy kinh doanh</li> <li>+ Triển khai đánh giá việc thực hiện các tuyên ngôn, cam kết chất lượng, các chương trình quản lý chất lượng để đảm bảo chất lượng sản phẩm của APP khi cung cấp ra thị trường, nâng cao năng suất, hạn chế tỷ lệ sản phẩm hỏng, lỗi.</li> <li>+ Đánh giá về ảnh hưởng của Hiệp định tự do thương mại đến thị trường Dầu mỡ bôi trơn và Công ty APP.</li> </ul> </li> <li>- Giao cho Thư ký Công ty gửi phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT về các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015</li> <li>+ Đầu tư mua cổ phần tại Công ty MTS</li> <li>+ Phê duyệt Phương án khuyến mại, tính hiệu quả của việc triển khai Hợp đồng với Công ty Thaco Group.</li> <li>+ Phê duyệt phụ cấp điện thoại, xăng xe của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý.</li> <li>+ Chế độ lương, thưởng, phụ cấp đối với Tổng Giám đốc.</li> </ul> </li> </ul>
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành :

Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và theo dõi, giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị :

Không

2. Ban kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Đỗ Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên Ban kiểm soát	130.000	3,27
3	Lê Thị Bạch Liên	Thành viên Ban kiểm soát	6.552	0,16

b) Các hoạt động của Ban kiểm soát :

Trong quá trình hoạt động của nhiệm kỳ BKS đã phân công nhiệm vụ từng thành viên để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát theo qui định của điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính BKS đã tiến hành kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính và những vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

- BKS đã hoạt động khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ chính sách của nhà nước, điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- BKS đã họp để thống nhất nội dung báo cáo trình đại hội hôm nay, các thành viên BKS thường xuyên làm việc với các cơ cấu liên quan, Ban điều hành:

+ Trưởng BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

+ Thành viên BKS tham gia một số cuộc họp của HĐQT, trực tiếp đóng góp ý kiến nhằm tạo sự đồng thuận trong hoạt động SXKD định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Số lượng các kỳ họp của Ban kiểm soát: 04 lần

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát :

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

**Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao được hưởng
1	Đinh Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	6.000.0000
2	Nguyễn Thị Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	5.000.000
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	4.500.000
4	Sử Bùi Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	4.500.000
5	Nguyễn Hà Trung	Thành viên HĐQT	4.500.000





Tổng chi phí hoạt động của HĐQT năm 2015: 4.106.000 đồng

**Ban kiểm soát :**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao được hưởng
1	Đỗ Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	4.500.0000
2	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên ban kiểm soát	3.000.000
3	Lê Thị Bạch Liên	Thành viên ban kiểm soát	3.000.000

Tổng chi phí hoạt động của BKS năm 2014: 1.700.000 đồng

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập bình quân
1	Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc	43.583.333
2	Hoàng Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc	21.916.667
3	Phạm Thị Thuý Hà	Phó Tổng Giám đốc	18.940.588
3	Phùng Giang Nam	Kế toán trưởng	19.750.000

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	606.216	15,29%	956.216	24,12%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Phạm Thị Thuý Hà	Phó Tổng Giám đốc	8.190	0,2%	0	0	Giảm tỷ lệ sở hữu
3	Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Cổ đông lớn	1.754.446	44,26%	0	0	Thoái vốn
4	Trần Thị Phúc	Cổ đông lớn	960.000	24,22%	0	0	Giảm tỷ lệ sở hữu
5	Nguyễn Hà Trung	Cổ đông lớn	0	0	658.600	16,6%	Tăng tỷ lệ sở hữu
6	Sử Bùi Bảo Ngọc	Cổ đông lớn	0	0	210.000	5,3%	Tăng tỷ lệ sở hữu

c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

**VI. Báo cáo tài chính :**

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Gửi kèm theo)

*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2016*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Trung Dũng**







**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2015.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Chương  
Ông Đinh Việt Cường  
Bà Nguyễn Thị Trường  
Ông Vũ Quang Hải  
Ông Nguyễn Hà Trung  
Ông Phạm Quý Hồng  
Bà Sừ Bùi Bảo Ngọc  
Ông Hoàng Trung Dũng

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)  
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/09/2015)  
Phó Chủ tịch  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/09/2015)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/09/2015)  
Thành viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Trung Dũng  
Ông Vũ Quang Hải  
Bà Phạm Thị Thúy Hà  
Ông Hoàng Bình Dương  
Ông Phạm Quý Hồng

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/09/2015)  
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)  
Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm lại ngày 01/10/2015)  
Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2015)  
Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2015)

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**



**Hoàng Trung Dũng**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016*

*MS*

Số: 91 -16/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2016

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 23/03/2015.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

**Phạm Thị Hiền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

302  
TNG  
KHÊ  
ANV  
CTI  
V

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.337.259.082</b>	<b>79.243.542.924</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>5.062.696.785</b>	<b>8.512.768.173</b>
1. Tiền	111		1.762.696.785	2.012.768.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.300.000.000	6.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.629.454.850</b>	<b>16.111.643.998</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	13.639.217.798	15.188.256.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	377.700.000	118.165.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	351.580.258	1.442.911.994
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(739.043.206)	(637.689.554)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.573.481.301</b>	<b>54.052.041.897</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5.	37.573.481.301	54.052.041.897
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>71.626.146</b>	<b>567.088.856</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	567.088.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	71.626.146	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.663.451.309</b>	<b>6.391.133.539</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.125.629.135</b>	<b>6.137.392.158</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	3.125.629.135	4.704.871.629
- Nguyên giá	222		35.338.739.539	35.240.705.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.213.110.404)	(30.535.833.610)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	1.432.520.529
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	4.719.731.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(3.287.210.501)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.625.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	-	2.625.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.537.822.174</b>	<b>251.116.381</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	1.537.822.174	251.116.381
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>61.000.710.391</b>	<b>85.634.676.463</b>

3-C  
T.V  
HỮU H  
ĐINH  
NAM  
TP.

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.518.461.032</b>	<b>31.236.338.153</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.518.461.032</b>	<b>31.236.338.153</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	2.432.874.605	1.136.424.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	29.414.737	1.081.231.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	291.762.384	293.948.358
4. Phải trả người lao động	314		1.929.656.865	2.732.685.795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	144.110.720	161.812.597
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	836.296.502	470.879.960
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9.	3.704.371.996	24.750.132.099
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		149.973.223	609.224.279
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.482.249.359</b>	<b>54.398.338.310</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16.</b>	<b>50.751.255.321</b>	<b>53.667.344.272</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.639.600.000	39.639.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.639.600.000	39.639.600.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.760.194.445	6.276.128.505
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.351.460.876	7.751.615.767
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>730.994.038</b>	<b>730.994.038</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.17.	66.371.540	730.994.038
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		664.622.498	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>61.000.710.391</b>	<b>85.634.676.463</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ**

Người lập  
  
 Đỗ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng  
  
 Phùng Giang Nam

Tổng Giám đốc  
  
 Hoàng Trung Dũng



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	104.058.678.211	138.608.728.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	305.650.549	386.532.152
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		103.753.027.662	138.222.196.356
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	71.191.129.841	95.966.813.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32.561.897.821	42.255.382.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	63.599.916	241.107.960
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	1.345.615.237	1.788.122.391
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.154.755.099	1.537.074.383
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	14.586.483.074	19.725.391.256
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	11.769.166.662	11.799.838.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.924.232.764	9.183.138.214
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	99.471.305	412.360.562
12. Chi phí khác	32	VI.7.	16.051.153	34.700.000
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		83.420.152	377.660.562
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.007.652.916	9.560.798.776
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	1.151.689.895	2.148.519.731
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.855.963.021	7.412.279.045
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	972,76	1.869,92

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh



Phùng Giang Nam



Hoàng Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		121.255.412.918	153.793.392.633
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.645.260.732)	(134.682.601.868)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.323.967.584)	(9.717.607.877)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(793.628.687)	(1.287.347.964)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.352.404.692)	(2.714.444.974)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.302.884.750	5.182.036.735
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.410.364.212)	(17.293.572.075)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>23.032.671.761</b>	<b>(6.720.145.390)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(148.439.500)	(509.422.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.866.919	75.750.496
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(96.572.581)</b>	<b>(433.671.504)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		37.928.520.231	92.032.559.910
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.974.280.334)	(79.960.302.136)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.340.480.580)	(6.173.478.590)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.386.240.683)</b>	<b>5.898.779.184</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.450.141.503)</b>	<b>(1.255.037.710)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.512.768.173</b>	<b>9.767.752.775</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70.115	53.108
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.062.696.785</b>	<b>8.512.768.173</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Hồng Hạnh

Phùng Giang Nam



Hoàng Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103003456 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003. Công ty đã có 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 12 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **39.639.600.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh và cho thuê kho bãi chứa dung môi, dầu gốc;
- Dịch vụ nhập ủy thác và tạm nhập tái xuất;
- Kinh doanh, sửa chữa ô tô, thiết bị máy móc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hóa dầu, dịch vụ quan trắc môi trường, tư vấn môi trường;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Sản xuất - kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại và độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Thu gom rác thải không độc hại và độc hại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

**Trụ sở công ty:** Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****Thông tin về chi nhánh**

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ

Địa chỉ: 506/11/19 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 4, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Mã số chi nhánh: 0101438047-001



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phải sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

Trong đó:

- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô
- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

224  
G T  
EVI  
NVA  
T P  
4Y



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản khác	03



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chuyển giao công nghệ

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

Chuyển giao công nghệ

**Thời gian khấu hao (Năm)**

5 - 6

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí đạt quyền thuê đất, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Tiền đạt quyền thuê đất thể hiện số tiền đã trả để đạt được quyền thuê đất. Chi phí đạt quyền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay và tiền thuê đất phải trả chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Cơ sở xác định của các khoản chi phí trích trước lãi vay là hợp đồng vay, thời hạn vay, lãi suất vay, cơ sở xác định khoản chi phí phải trả là tiền thuê đất là hợp đồng thuê đất.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá từ dầu nhờn, dầu bôi trơn, phụ gia....

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**16.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****I. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>1.762.696.785</b>	<b>2.012.768.173</b>
<i>Tiền mặt</i>	<i>492.928.580</i>	<i>201.272.635</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>1.269.768.205</i>	<i>1.811.495.538</i>
Tiền VND	1.250.343.567	1.807.807.495
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	939.244.703	1.437.282.630
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	835.000	967.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng	1.500.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam	308.763.864	369.557.865
Tiền USD	19.424.638	3.688.043
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	19.424.638	3.688.043
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
Tiền gửi VND Ngân hàng ĐT&PT VN - CN Thành Đô (*)	3.300.000.000	6.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thành Đô; kỳ hạn: 01 tháng, lãi suất: 4,5%/năm theo hợp đồng tiền gửi số 311215/HDTG/TĐ-APP ngày 31/12/2015, hợp đồng tiền gửi số 30122015/HDTG/TĐ-APP ngày 30/12/2015 và hợp đồng tiền gửi số 251215/HDTG/TĐ-APP ngày 25/12/2015.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	797.004.890	-	1.782.561.990	-
CN Công ty CP ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên	-	-	626.752.480	-
Công ty TNHH Dầu khí Thiên Nga	587.951.445	-	883.611.972	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Anh Phúc	589.605.816	-	775.545.046	-
Công ty CP Ô tô TMT	1.266.471.195	-	-	-
Công ty TNHH Dầu khí Đông Á	590.597.965	-	-	-
Đối tượng khác	9.807.586.487	739.043.205	11.119.784.570	637.689.554
<b>Cộng</b>	<b>13.639.217.798</b>	<b>739.043.205</b>	<b>15.188.256.058</b>	<b>637.689.554</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Trung tâm Quan trắc Môi trường	-	76.000.000
Công ty CP Thiết bị điện ACE	66.000.000	-
Công ty TNHH MTV CK Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	311.700.000	-
Công ty Cổ phần Greenhouses Việt Nam	-	38.065.500
Đối tượng khác	-	4.100.000
<b>Cộng</b>	<b>377.700.000</b>	<b>118.165.500</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>86.111.258</b>	<b>-</b>	<b>1.392.911.994</b>	<b>-</b>
+ Khoản tạm thu phế liệu và tiền thuê nhà (*)	-	-	1.264.838.028	-
+ BHXH nộp thừa	1.058.688	-	1.058.688	-
+ Thuế đất	-	-	124.312.500	-
+ Lãi tiền gửi ngân hàng	229.166	-	2.702.778	-
+ Phải thu Thuế TNCN	84.823.404	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tạm ứng	265.469.000	-	50.000.000	-
+ Bùi Đức Ninh	61.114.000	-	-	-
+ Lưu thị Hồng Ngọc	57.191.000	-	-	-
+ Vũ Quý Lâm	-	-	50.000.000	-
+ Đối tượng khác	147.164.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>351.580.258</b>	<b>-</b>	<b>1.442.911.994</b>	<b>-</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã xử lý khoản phải thu về "Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà" phát sinh từ các năm tài chính trước với giá trị là 1.264.838.028 đồng. Trong đó:

+ Xử lý vào lợi nhuận sau thuế với số tiền 497.051.328 đồng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2015, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2015 và phương án phân chia lợi nhuận theo tờ trình số 20/TTr-PGDM ngày 21/4/2015 của Chủ tịch hội đồng quản trị (trong phương án phân chia lợi nhuận chưa nêu rõ dùng số lợi nhuận sau thuế này để bù đắp cho các khoản phải thu về "Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà" nêu trên);

+ Xử lý 464.358.700 đồng vào Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2015 ngày 15/6/2015, Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2014 ngày 29/4/2014, Biên bản họp ngày 26/6/2015 của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty và Giấy đề nghị ngày 29/6/2015 của Chủ tịch Công đoàn về việc hoàn trả số tiền trên bằng quỹ khen thưởng phúc lợi;

+ Thu hồi của một số cá nhân và nhập quỹ tiền mặt của Công ty với giá trị 303.428.000 đồng.

5. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.596.439.110	-	34.830.001.114	-
Công cụ, dụng cụ	374.104.441	-	184.159.502	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.129.518.014	-	1.774.717.423	-
Thành phẩm	15.465.909.689	-	17.260.027.221	-
Hàng hóa	7.510.047	-	3.136.637	-
<b>Cộng</b>	<b>37.573.481.301</b>	<b>-</b>	<b>54.052.041.897</b>	<b>-</b>

6. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>	-	2.625.000
Máy lọc nước	-	2.625.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.625.000</b>

7. Chi phí trả trước	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ	94.407.871	224.751.048
Bảo hiểm cháy nổ	48.591.667	24.333.333
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đất Phú Thị	1.394.822.636	-
Các khoản khác	-	2.032.000
<b>Cộng</b>	<b>1.537.822.174</b>	<b>251.116.381</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ****BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thọ, Xã Phú Thọ, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2015	9.904.828.664	19.127.273.454	6.006.219.567	202.383.554	35.240.705.239	
Mua trong năm	-	172.175.000	-	-	172.175.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	(74.140.700)	-	-	(74.140.700)	
Số dư ngày 31/12/2015	9.904.828.664	19.225.307.754	6.006.219.567	202.383.554	35.338.739.539	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2015	8.375.789.164	17.313.381.656	4.648.009.790	198.653.000	30.535.833.610	
Khấu hao trong kỳ	428.917.627	638.340.182	680.429.131	3.730.554	1.751.417.494	
Thanh lý, nhượng bán	-	(74.140.700)	-	-	(74.140.700)	
Số dư ngày 31/12/2015	8.804.706.791	17.877.581.138	5.328.438.921	202.383.554	32.213.110.404	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	1.529.039.500	1.813.891.798	1.358.209.777	3.730.554	4.704.871.629	
Tại ngày 31/12/2015	1.100.121.873	1.347.726.616	677.780.646	-	3.125.629.135	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.764.859.537 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.784.221.297 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM ĐẦU MÓ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**9. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	3.257.777.996	3.257.777.996	31.689.757.931	49.182.119.747	20.750.139.812	20.750.139.812
Vay cán bộ nhân viên (ii)	446.594.000	446.594.000	6.238.762.300	9.792.160.587	3.999.992.287	3.999.992.287
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.704.371.996</b>	<b>3.704.371.996</b>	<b>37.928.520.231</b>	<b>58.974.280.334</b>	<b>24.750.132.099</b>	<b>24.750.132.099</b>

(i) Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 878/40407/2015/HĐTD ngày 01/07/2015. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể, thời hạn vay 6 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất và máy móc thiết bị tại khu Công nghiệp Phú Thị; máy móc thiết bị dự án Hải Phòng, xe ô tô tài Hino BKS 30N - 2037, hàng tồn kho luân chuyển, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng tại Hà Nội, hệ thống thiết bị đóng chai dầu nhớt, hệ thống xử lý thùng phuy và 01 ô tô Blind Van.

(ii) Vay cán bộ nhân viên công ty, các khoản vay có thể tự gia hạn từng năm một. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất 7%/năm.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Chuyển giao công nghệ	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2015	1.809.499.610	2.910.231.420	4.719.731.030
Phân loại lại	(1.809.499.610)	-	(1.809.499.610)
Số dư ngày 31/12/2015	-	2.910.231.420	2.910.231.420
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2015	376.979.081	2.910.231.420	3.287.210.501
Khấu hao trong năm	18.848.946	-	18.848.946
Phân loại lại	(395.828.027)	-	(395.828.027)
Số dư ngày 31/12/2015	-	2.910.231.420	2.910.231.420
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.432.520.529	-	1.432.520.529
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.910.231.420 VND

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
CN DNTN Sản xuất Hoàng Nguyễn	160.194.265	160.194.265	192.485.756	192.485.756
Công ty TNHH TM Nam Hải	-	-	164.560.000	164.560.000
Công ty TNHH TM XD Vận tải Thành Đạt Phát	9.457.800	9.457.800	133.787.500	133.787.500
Champoil oil and Chemical Co., Ltd	970.262.060	970.262.060	-	-
Công ty TNHH Phú Bình	177.629.936	177.629.936	-	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Hải	126.337.200	126.337.200	-	-
Công ty CP Hóa dầu VHP	254.331.000	254.331.000	-	-
Công ty TNHH MTV CK Chuyên dụng Bắc Bộ Trường	311.700.000	311.700.000	-	-
Các đối tượng khác	422.962.344	422.962.344	645.590.769	645.590.769
<b>Cộng</b>	<b>2.432.874.605</b>	<b>2.432.874.605</b>	<b>1.136.424.025</b>	<b>1.136.424.025</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Cửa hàng phụ tùng xe máy Khoa Đào	-	754.723.669
Thảo Chân	-	261.713.760
Công ty TNHH VTTB Hồng Phát	-	63.294.000
Đối tượng khác	29.414.737	1.499.611
<b>Cộng</b>	<b>29.414.737</b>	<b>1.081.231.040</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2015
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	120.817.014	1.896.368.150	1.763.948.342	253.236.822
Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.911.574	1.151.689.895	1.280.778.546	10.822.923
Thuế thu nhập cá nhân	5.517.131	-	5.517.131	-
Thuế khác	27.702.639	178.345.669	178.345.669	27.702.639
<b>Cộng</b>	<b>293.948.358</b>	<b>3.226.403.714</b>	<b>3.228.589.688</b>	<b>291.762.384</b>

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	3.710.720	33.193.506
Chi phí điện nước	-	51.869.091
Tiền thuê đất	140.400.000	-
Chi phí quan trắc phân tích môi trường lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và lập đề án bảo vệ môi trường	-	76.750.000
<b>Cộng</b>	<b>144.110.720</b>	<b>161.812.597</b>

**15. Phải trả khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn	67.401.499	63.911.500
- Bảo hiểm xã hội	116.962.633	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.264.020	298.200.600
- Trợ cấp thôi việc	142.674.750	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.993.600	108.767.860
<b>Cộng</b>	<b>836.296.502</b>	<b>470.879.960</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	39.639.600.000	8.247.113.622	47.886.713.622
Lãi trong năm trước	-	7.894.140.974	7.894.140.974
Phân phối lợi nhuận	-	(8.389.638.829)	(8.389.638.829)
Số dư tại ngày 31/12/2014	39.639.600.000	7.751.615.767	47.391.215.767
Lãi trong kỳ này	-	3.855.963.021	3.855.963.021
Phân phối lợi nhuận	-	(7.256.117.912)	(7.256.117.912)
Số dư tại ngày 31/12/2015	39.639.600.000	4.351.460.876	43.991.060.876

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn Nhà Nước	-	17.544.460.000
Vốn của các cổ đông khác	39.639.600.000	22.095.140.000
<b>Cộng</b>	<b>39.639.600.000</b>	<b>39.639.600.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.639.600.000	39.639.600.000
Vốn góp đầu năm	39.639.600.000	39.639.600.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	39.639.600.000	39.639.600.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>5.340.480.580</b>	<b>6.173.478.590</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.963.960	3.963.960
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu phổ thông	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu phổ thông	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu	-	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**e) Các quỹ của Công ty**

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	6.276.128.505	484.065.940	-	6.760.194.445
<b>Cộng</b>	<b>6.276.128.505</b>	<b>484.065.940</b>	<b>-</b>	<b>6.760.194.445</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 6,67% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

17. Nguồn kinh phí	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	730.994.038	730.994.038
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	730.994.038	730.994.038
18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2015	01/01/2015
<i>Ngoại tệ các loại:</i>		
Tiền gửi ngân hàng		
USD	172,54	865,24

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	104.058.678.211	138.608.728.508
<b>Cộng</b>	<b>104.058.678.211</b>	<b>138.608.728.508</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	195.867.421	153.078.344
Hàng bán bị trả lại	109.783.128	233.453.808
<b>Cộng</b>	<b>305.650.549</b>	<b>386.532.152</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.191.129.841	92.230.674.218
Giá vốn khác	-	3.736.139.489
<b>Cộng</b>	<b>71.191.129.841</b>	<b>95.966.813.707</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	48.817.258	66.761.080
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.136.494	27.440.825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	646.164	146.906.055
<b>Cộng</b>	<b>63.599.916</b>	<b>241.107.960</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	1.154.755.099	1.537.074.383
Chênh lệch tỷ giá	190.857.059	251.029.323
Chi phí tài chính khác	3.079	18.685
<b>Cộng</b>	<b>1.345.615.237</b>	<b>1.788.122.391</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	454.545	264.545.454
Tiền phạt thu được	60.695.876	20.876.006
Xử lý hàng tồn kho thừa do kiểm kê	37.945.105	-
Các khoản khác	375.779	126.939.102
<b>Cộng</b>	<b>99.471.305</b>	<b>412.360.562</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực PCCC	16.051.153	34.700.000
<b>Cộng</b>	<b>16.051.153</b>	<b>34.700.000</b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>a, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>11.769.166.662</b>	<b>11.799.838.748</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.599.174.172	4.724.489.164
Chi phí vật liệu quản lý	14.345.215	18.211.697
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	243.799.879	294.990.232
Chi phí khấu hao TSCĐ	555.006.263	582.888.926
Thuế, phí, lệ phí	15.090.000	9.476.190
Chi phí dự phòng	101.353.652	91.939.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.814.875.579	4.094.030.206
Chi phí bằng tiền khác	3.425.521.902	1.983.813.032

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<i>b, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>14.586.483.074</b>	<b>19.725.391.256</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.908.953.507	4.780.099.826
Chi phí vật liệu, bao bì	126.199.915	28.539.911
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	89.961.154	155.910.369
Chi phí khấu hao TSCĐ	584.379.733	471.846.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.218.803.557	9.114.631.962
Chi phí bằng tiền khác	3.658.185.208	5.174.362.561
<b>Cộng</b>	<b>26.355.649.736</b>	<b>31.525.230.004</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	103.916.098.883	138.875.664.878
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	98.681.144.814	129.109.666.102
<i>Chi phí bị loại khi tính thuế</i>	<i>227.301.153</i>	<i>205.200.000</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.234.954.069	9.765.998.776
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.151.689.895	2.148.519.731
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	79.537.529.458	119.119.026.928
Chi phí nhân công	11.251.909.434	12.196.663.423
Chi phí khấu hao	1.770.266.440	2.027.439.906 <sup>22</sup>
Chi phí mua ngoài	9.432.721.615	377.281.503 <sup>30</sup>
Chi phí bằng tiền khác	7.915.212.753	21.885.882.157 <sup>31</sup>
<b>Cộng</b>	<b>109.907.639.700</b>	<b>155.606.293.917<sup>32</sup></b>
<b>11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.855.963.021	7.412.279.045
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.855.963.021	7.412.279.045
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.963.960	3.963.960
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	973	1.870



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	37.928.520.231	92.032.559.910
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	58.974.280.334	79.960.302.136

**VIII Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. Thông tin về bên liên quan****Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Năm 2015 VND
Lương	804.377.355
Tiền thưởng	50.500.000
Các khoản phúc lợi khác	222.780.000
<b>Cộng</b>	<b>1.077.657.355</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

	Miền Bắc		Miền Nam		Tổng cộng	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	93.557.945.224	126.415.328.439	10.195.082.438	11.806.867.917	103.753.027.662	138.222.196.356
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>93.557.945.224</b>	<b>126.415.328.439</b>	<b>10.195.082.438</b>	<b>11.806.867.917</b>	<b>103.753.027.662</b>	<b>138.222.196.356</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.392.137.013	38.729.022.292	3.169.760.808	3.526.360.357	32.561.897.821	42.255.382.649
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	59.040.025.238	83.294.808.079	1.922.740.048	2.339.868.384	60.962.765.286	85.634.676.463
Nợ phải trả bộ phận	7.587.373.061	28.896.469.769	1.922.740.048	2.339.868.384	9.510.113.109	31.236.338.153
mua tài sản bộ phận sử dụng nhiều hơn một niên độ	(148.439.500)	(509.422.000)	-	-	(148.439.500)	(509.422.000)
Chi phí khấu hao TSCĐ và Chi phí trả trước	(1.394.379.298)	(1.423.473.080)	(704.626.713)	(157.864.643)	(2.099.006.011)	(1.581.337.723)

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn của bộ phận).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.9, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.062.696.785	8.512.768.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.251.754.850	15.993.478.498
<b>Cộng</b>	<b>18.314.451.635</b>	<b>24.506.246.671</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	3.704.371.996	24.750.132.099
Phải trả người bán và phải trả khác	3.269.171.107	1.607.303.985
Chi phí phải trả	144.110.720	161.812.597
<b>Cộng</b>	<b>7.117.653.823</b>	<b>26.519.248.681</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015 như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	3.639.438	3.688.043

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.269.171.107	-	3.269.171.107
Chi phí phải trả	144.110.720	-	144.110.720
Các khoản vay	3.704.371.996	-	3.704.371.996



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Phải trả người bán và phải trả khác	1.607.303.985	-	1.607.303.985
Chi phí phải trả	161.812.597	-	161.812.597
Các khoản vay	24.750.132.099	-	24.750.132.099

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.062.696.785	-	5.062.696.785
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.251.754.850	-	13.251.754.850

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.512.768.173	-	8.512.768.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.993.478.498	-	15.993.478.498

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

F.Y./d/

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.392.911.994	50.000.000	1.442.911.994
Tài sản ngắn hạn khác	50.000.000	(50.000.000)	-
Vay và nợ ngắn hạn	24.750.132.099	(24.750.132.099)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	24.750.132.099	24.750.132.099
Quỹ đầu tư phát triển	4.842.536.258	1.433.592.247	6.276.128.505
Quỹ dự phòng tài chính	1.433.592.247	(1.433.592.247)	-

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Người lập



**Đỗ Hồng Hạnh**

Kế toán trưởng



**Phùng Giang Nam**

Tổng Giám đốc



**Hoàng Trung Dũng**

